

Bản án số: 156/2024/DS-PT
Ngày: 27/5/2024
V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn D

Ông Phạm Trường T

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng T - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L: ông Nguyễn Anh T -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27/5/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh VL xét xử phúc thẩm công khai vụ
án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh
chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa
án nhân dân huyện TB, tỉnh VL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2024/QĐ-PT ngày
01/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Giảng Thị Kim H, sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Giảng Thị Kim H là chị Nguyễn Giảng
T, sinh năm 1994; Cùng địa chỉ: Số B ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh L.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh
Vĩnh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L là anh Lê Văn T1, sinh năm
1988; Cư trú tại: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là anh Trần Ngọc T2 –
Luật sư, Công ty L2 – Đoàn luật sư tỉnh V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Nguyễn Giáng T**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: **Số B ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh L**.

2/ Anh **Trương Văn T3**, sinh năm: 1997; Địa chỉ: **Số B ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh L**.

3/ Anh **Trịnh Văn S**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: **Số A Hồ V, B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bà **Giảng Thị Kim H** và chị **Nguyễn Giáng T** là người đại diện theo ủy quyền của bà **Giảng Thị Kim H** trình bày:

Do quen biết với bà **Phạm Thị L** và con gái bà **L** là chị **Đặng Tuyết X** đang ở nước ngoài. Sau khi nghe bà **L** nói con gái bà **L** ở nước ngoài làm ăn được và có cuộc sống khá giả nên bà **H** muốn cho con gái là chị **Nguyễn Giáng T** sang nước ngoài lao động. Trong thời gian quen biết thì bà **L** có mượn của bà **H** số tiền 190.000.000 đồng.

Ngày 23/10/2020 bà **H** đã gom được số tiền 126.700.000 đồng nên mang lại trước cho bà **L** mượn. Khi nhận số tiền này bà **L** có viết và ký tên vào biên nhận đã nhận số tiền. Cùng ngày 23/10/2020 sau khi bà **H** về nhà và chuẩn bị thêm đủ số tiền 63.300.000 đồng nên bà **H** đã đến và đưa đủ cho bà **L** số tiền 190.000.000 đồng. Nhưng lần này bà **L** nhận số tiền bà **H** đưa do đang bận công việc nên bà **L** không làm biên nhận. Sau đó chị **T** có ghi âm lại được cuộc nói chuyện, bà **L** thừa nhận có nhận đủ số tiền 190.000.000 đồng.

Sau khi bà **H** đưa tiền cho bà **L** đã hơn 01 năm nhưng con bà **H** chưa đi nước ngoài được với lý do hồ sơ chưa hoàn chỉnh. Bà **H** đã nhiều lần liên hệ với bà **L** thì bà **L** nói không biết.

Nay bà **H** yêu cầu bà **L** trả số tiền vốn 190.000.000 đồng và tiền tính lãi từ ngày 23/10/2020 đến ngày 23/12/2021 là 14 tháng x 1%/tháng = 26.600.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 216.600.000 đồng. Và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tính đến ngày 22/9/2022 là 23 tháng x 1%/tháng = 43.700.000 đồng tiền lãi. Yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Anh **Lê Văn T1** là người đại diện theo ủy quyền của bà **Phạm Thị L** trình bày:

Bà **L** có nghe việc bà **H** nhờ con gái của bà **L** là chị **Đặng Tuyết X** để lo thủ tục cho con bà **H** và hai người khác đi nước ngoài, cụ thể là Đài Loan vì chị **X**

đang định cư ở Đài Loan nhưng bà L không biết giữa bà H và chị X thỏa thuận như thế nào, bà không biết chị X nhận bao nhiêu tiền, lo thủ tục cho bao nhiêu người đi nước ngoài.

Theo biên nhận của nguyên đơn khởi kiện nội dung: Bà L có nhận của bà H số tiền 126.700.000 đồng. Theo bà L trình bày, bà L có ký tên vào biên nhận, do bà L không biết chữ nên chỉ ký tên và bà L không biết nội dung của biên nhận, bà L chỉ ký để bà L xác nhận với bà H là chị X có làm thủ tục hồ sơ cho ba người đi nước ngoài, bà L không có nhận bất kỳ số tiền nào của bà H.

Chị X (Đặng Tuyết X) có cung cấp chứng cứ việc chị X có làm hồ sơ cho bà H để đưa con bà H và bạn của con bà H đi lao động tại Đài Loan nhưng do chị X bị người khác lừa đảo trong việc làm hồ sơ, người lừa đảo này cũng đang bị khởi tố vụ án hình sự tại Đài Loan. Chị X là người nhận tiền của bà H. Chị X sẽ trả lại cho bà H. Hiện nay chị X chưa trình bày là nhận của bà H bao nhiêu. Về kế hoạch trả tiền của chị X, bị đơn sẽ liên hệ sau.

* Anh Trương Văn T3 trình bày:

Do quen biết với chị T nên anh được chị T giới thiệu đi làm tại Đài Loan. Chị X yêu cầu chị T, anh và S cả ba người nộp tổng cộng 190.000.000 đồng, chia ra mỗi người 63.333.000 đồng (do đổi từ tiền Đài Loan). Do anh với anh S chưa chuẩn bị kịp tiền nên bà H là mẹ chị T bỏ ra 190.000.000 đồng để lo cho ba người đi. Lúc giao tiền lần 1 cho bà L ngày 23/10/2020 có mặt của bà H, chị T, anh, ông Tô Công T4 địa chỉ ấp P, xã P (cháu rể của bà L), bà L, ông Bùi Văn N, địa chỉ ấp P, xã P, giao số tiền 126.700.000 đồng. Trong biên nhận chữ viết của anh, bà L ký tên, ông N đếm tiền. Sau đó 01 giờ đồng hồ cùng ngày tiếp tục giao cho bà L 63.300.000 đồng có mặt chị T, anh, anh S, ông N, bà L. Bà L nhận tiền và ông N đếm tiền nhưng không có làm biên nhận.

Số tiền này của bà H đưa cho bà L nên anh yêu cầu trả lại cho bà H. Anh không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án. Giao toàn quyền khởi kiện cho bà H đối với việc kiện đòi bà L trả lại số tiền 190.000.000 đồng.

* Anh Trịnh Văn S trình bày:

Anh và chị T là chỗ quen biết. Năm 2020 chị T có rủ anh đi lao động nước ngoài, cụ thể là Đài Loan vì mẹ của chị T là bà Giáng Thị Kim H có nhờ người làm thủ tục. Chị X là người làm thủ tục và bà Phạm Thị L là người nhận tiền. Tổng cộng anh, chị T, anh T3 đưa trước 50% là 190.000.000 đồng, mỗi người 63.300.000 đồng. Khi có việc làm và qua đến Đài Loan thì đưa tiếp 50% còn lại. Ngày 23/10/2020 do chưa chuẩn bị đủ tiền nên cả 03 chúng tôi có nhờ bà H bỏ tiền ra để đưa cho bà L trước, lần 1 là 126.700.000 đồng bà L có làm biên nhận, lần này

không có mặt anh, lần 2 cùng ngày 23/10/2020 đưa thêm 63.300.000 đồng, lần này có mặt anh, chị T, anh T3, bà L và ông N, không có làm biên nhận. Tổng cộng 190.000.000 đồng. Bà H đã mang biên nhận 126.700.000 đồng về nên các anh chị không thể viết thêm tiền vào biên nhận được.

Gần 01 năm anh, chị T, anh T3 chưa được đi lao động ở Đài Loan nên anh, chị T, anh T3 có liên hệ với chị X. Đầu tiên chị X kêu nợ, do thời gian kéo dài nên anh, chị T, anh T3 có liên hệ tiếp, chị X trả lời là tiền chị X nhận của chị T, thì S không có liên quan. Sau đó anh tiếp tục liên hệ với chị X thì chị X trả lời chị T đã khởi kiện nên chị không lo giấy tờ đi nữa.

Nay bà H kiện yêu cầu bà L trả lại số tiền 190.000.000 đồng anh thống nhất. Tiền là của bà H ứng ra nộp cho các anh chị gồm anh, chị T, anh T3. Nay anh thống nhất để bà H đứng ra khởi kiện đòi lại số tiền này từ bà L. Bà H quyết định các vấn đề có liên quan đến vụ án anh không có ý kiến và không có yêu cầu trong vụ án. Anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh VL đã quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Giảng Thị Kim H.

Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Giảng Thị Kim H số tiền vốn và lãi là 245.457.800 đồng, trong đó tiền vốn 190.000.000 đồng và tiền lãi là 55.457.800 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giảng Thị Kim H đối với số tiền lãi 11.042.200 đồng.

Bản án sơ thẩm còn xử lý về án phí, nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, bị đơn là bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh

VLtheo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm, dành cho bà **Giảng Thị Kim H** một vụ kiện khác đối với chị **Đăng Tuyết X**.

Tại phiên tòa hôm nay:

Luật sư và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày nội dung, chứng cứ và đề nghị hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TB do không đưa bà **X** tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, do số tiền bà **H** khởi kiện có liên quan đến chị **X**. Trường hợp không chấp nhận hủy án đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bà **H**, chị **T** không đồng ý với yêu cầu của bị đơn và thống nhất với bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Đại diện Viện kiểm sát phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Về án phí: Đương sự không phải nộp.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà **Phạm Thị L** còn trong hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Về nội dung:

Nguyên đơn trình bày: Do có quen biết với anh **T4** nên bà **H** có nhờ bà **Đăng Tuyết X** (**Đăng Tuyết S1**) và con gái của bà **X** đang định cư tại Đài Loan hoàn tất thủ tục cho con gái bà là **Nguyễn Giảng T** và **Trịnh Văn S**, **Trịnh Văn T5** đi lao động tại Đài Loan với số tiền là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), tổng cộng ba người là 189.000.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu đồng). Sau đó bà có đưa cho bà **L** (mẹ bà **X**) số tiền của ba người **Nguyễn Giảng T**, **Trịnh Văn T5**, **Trịnh Văn S** tổng số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), bà **H** yêu cầu bà **X** trả số tiền trên. Đại diện của bị đơn trình bày: Bà **L** là người

nhận tiền dùm cho chị X và đã chuyển tiền cho chị X nên bà L chỉ là người làm chứng, bà L có ký nhận 126.700.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm ngàn đồng) chỉ là ký nhận dùm nên bà L không đồng ý trả.

3. Xét kháng cáo của bà Phạm Thị L, lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa và chứng cứ trong hồ sơ là có căn cứ thể hiện Đơn khởi kiện của bà Giảng Thị Kim H tại bút lục số 93 “Tôi cũng biết bà L có con ruột tên X hiện đang sinh sống và định cư ở nước ngoài ... tôi có liên lạc với cô X để làm hồ sơ cho con tôi qua nước ngoài lao động thì cô X hứa sẽ làm hoàn tất hồ sơ cho con tôi nhanh nhất và thủ tục đơn giản. Đến ngày 23/10/2020 (dương lịch) cô X nói với tôi đến nhà mẹ ruột của cô là bà Phạm Thị L đưa tiền cho bà L nhận tiền dùm rồi chuyển tiền ra nước ngoài cho cô X để cô X làm hồ sơ cho con tôi với số tiền là 126.700.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm ngàn đồng), sau khi đưa tiền cho bà L đến nay đã hơn một năm nhưng cô L vẫn cố tình hẹn lần hẹn lượt với tôi rằng đang làm hồ sơ cho con tôi nhưng chưa hoàn thành. Sau đó tôi nhiều lần liên hệ với bà L nhờ bà nói với cô X sớm hoàn tất hồ sơ cho con tôi nhưng tôi đến nhà thì bà L nói không biết gì và thách thức tôi đi thưa kiện”.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bà H, bà L thừa nhận số tiền trong biên nhận nợ của bà L, mục đích là giao tiền cho chị X để làm thủ tục cho chị T, anh S, anh T5 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn khẳng định mục đích số tiền trong biên nhận do bà L ký là nhận dùm bà H để chuyển cho con gái bà ở Đài Loan để làm thủ tục cho con bà H đi lao động tại Đài Loan. Nguyên đơn và bị đơn xác nhận biên nhận đều có mục đích đưa tiền cho bà X, bà L không có vay mượn tiền của bà H. Đồng thời, bị đơn khẳng định Đặng Tuyết S1 và Đặng Tuyết X là cùng một người. Hơn nữa, ngày 14/5/2025 phía bị đơn có giao nộp Bản án của Tòa án Bành Hồ, Đài Loan có dịch thuật và công chứng thể hiện số tiền của chị Nguyễn Giảng T, Trịnh Văn S, Trương Văn T3. Bà Đặng Tuyết X (S2) đã nhận đưa cho bà Trần Thoại L1 (bị cáo) có liên quan tới số tiền của bà Giảng Thị Kim H đưa cho bà L1 từ số tiền của Nguyễn Giảng T, Trịnh Văn S, Trương Văn T3. Bà X (S1) là người nước ngoài, việc cấp sơ thẩm không đưa bà X tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên hủy bản án sơ thẩm, do có tình tiết mới.

Từ nhận định trên, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, đề nghị của Luật sư và đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

4. Án phí dân sự phúc thẩm đương sự không phải nộp do hủy Bản án sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bà **Phạm Thị L**, hủy Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DSST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, giữa nguyên đơn bà **Giảng Thị Kim H** và bị đơn bà **Phạm Thị L** về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

2. Hồ sơ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử theo quy định pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm đương sự không phải nộp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh L;
- TAND huyện TB;
- THADS huyện TB;
- Đương sự;
- HCTP;
- KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đ